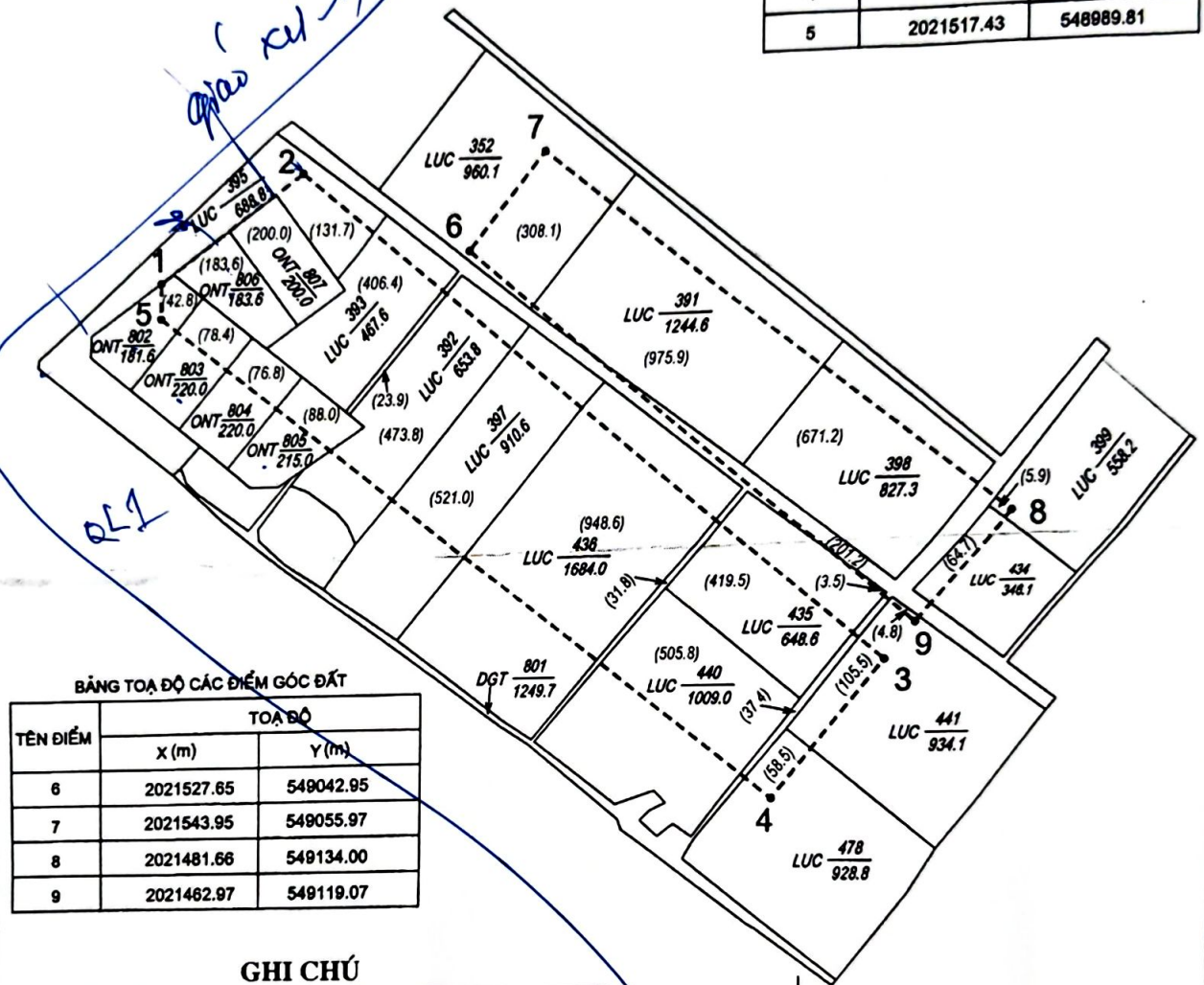


TỈNH HÀ TĨNH - H. CẨM XUYÊN

TÊN ĐIỂM	TOẠ ĐỘ	
	X (m)	Y (m)
1	2021523.44	548989.93
2	2021541.26	549014.59
3	2021456.71	549114.08
4	2021433.21	549095.32
5	2021517.43	548989.81



TÊN ĐIỂM	TOẠ ĐỘ	
	X (m)	Y (m)
6	2021527.65	549042.95
7	2021543.95	549055.97
8	2021481.66	549134.00
9	2021482.97	549119.07

$\frac{12}{11814.5}$	$+$ Số thửa Diện tích
1 -----	Mốc, Đường ranh giới khu đất
(505.8)	Diện tích ghi chú lỗ thửa bị chia tách bởi đường ranh giới khu đất
Tổng diện tích khu đất là: 6571.3 m ²	

Duyệt, ngày 17 tháng 1 năm 2022
Văn phòng đăng ký đất đai Hà Tĩnh

Đậu Biên Thủy



BẢNG THỐNG KÊ DIỆN TÍCH LOẠI ĐẤT, CHỦ SỬ DỤNG CÁC THỪA ĐẤT
KÈM THEO TRÍCH LỤC KHU ĐẤT THUỘC DỰ ÁN KHU THƯƠNG MẠI DỊCH VỤ - CỬA HÀNG XĂNG DẦU 666
(TRÍCH LỤC SAU KHI ĐÃ CẬP NHẬT CHỈNH LÝ THEO HỒ SƠ CẤP GIẤY CNQSD ĐẤT)
ĐỊA ĐIỂM: XÃ CẨM QUANG - H. CẨM XUYÊN - TỈNH HÀ TĨNH

STT	HỌ VÀ TÊN	TỜ BẢN ĐỒ	SỐ THỪA	DIỆN TÍCH	DIỆN TÍCH TRONG RANH GIỚI	DIỆN TÍCH NGOÀI RANH GIỚI	ĐỊA CHỈ	SỐ PHÁT HÀNH	GHI CHÚ
1	Dương Văn Biên	11	802	181.6	42.8	138.8	Thôn 7	CM 829616	
2	Dương Văn Biên	11	803	220.0	78.4	141.6	Thôn 7	CM 829615	
3	Dương Văn Biên	11	804	220.0	76.8	143.2	Thôn 7	CM 829617	
4	Dương Văn Biên	11	805	215.0	88.0	127.0	Thôn 7	CO 537195	
5	Dương Văn Biên	11	806	183.6	183.6	0.0	Thôn 7	DB 377150	
6	Dương Văn Biên	11	807	200.0	200.0	0.0	Thôn 7	DB 377143	
7	UBND xã	11	352	960.1	308.1	652.0	Thôn 7		
8	Nguyễn Thị Tuyết	11	391	1,244.6	975.9	268.7	Thôn 7	DH 332249	
9	Lê Duy Thiện	11	392	653.7	473.8	179.9	Thôn 7	BN 262533	
10	UBND xã	11	393	467.6	406.4	61.2	Thôn 7		
11	UBND xã	11	395	682.5	131.7	550.8	Thôn 7		
12	Lê Duy Châu	11	397	910.6	521.0	389.6	Thôn 7	BN 262526	
13	Lê Văn Bình	11	398	827.3	671.2	156.1	Thôn 7	DH 337498	
14	Lê Văn Bình	11	399	558.2	5.9	552.3	Thôn 7		
15	Đặng Hữu Thích	11	434	346.1	64.7	281.4	Thôn 7	DH 355851	
16	Lê Phi Hải	11	435	648.6	423.0	225.6	Thôn 7	DH 332251	

STT	HỌ VÀ TÊN	TỜ BẢN ĐỒ	SỐ THỪA	DIỆN TÍCH	DIỆN TÍCH TRONG RANH GIỚI	DIỆN TÍCH NGOÀI RANH GIỚI	ĐỊA CHỈ	SỐ PHÁT HÀNH	GHI CHÚ
17	Trần Thị Quyên	11	436	1,684.0	948.6	735.4	Thôn 7	BN 262640	
18	Lê Phi Hải	11	440	1,009.0	505.8	503.2	Thôn 7	DH 332251	
19	Lê Phi Hải	11	441	934.1	110.3	823.8	Thôn 7	DM 712036	
20	Nguyễn Ngọc Văn	11	478	928.8	58.5	870.3	Thôn 7	BN 262554	
21	UBND xã	11	801	1,249.7	296.8	952.9			
Tổng:				14,143.5	6,571.3	7,572.2			

Ngày ~~14~~ tháng 11 năm 2022
VĂN PHÒNG ĐĂNG KÝ ĐẤT ĐAI HÀ TĨNH

Người lập biểu

Phó Giám đốc

Đậu Biên Thùy

Đậu Biên Thùy



Trần Cao Sơn
Trần Cao Sơn